

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 09 - 2019

*V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con và chia tài sản khi ly hôn.*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lại Thiện Phong

2. Ông Danh On

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Kim Phương - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lê Huyền Mao - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2018/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST – HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Nguyễn Mỹ D**, sinh năm 1981; cư trú tại: ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Mỹ D: Luật sư **Nguyễn Thị Hảo**, Văn phòng luật sư Nguyễn Thị Hảo thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1980; cư trú tại: ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Chị **Nguyễn Thu T**, sinh năm 1972; cư trú tại: số nhà , khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh B (có mặt).

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* **Ngân Hàng N**; địa chỉ trụ sở: số , T, xã M, huyện T, Thành Phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: ông **Trịnh Ngọc K**; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân Hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Hà Minh T**; Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Ngân Hàng N Chi nhánh huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu (xin vắng mặt).

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1954 (Đã chết ngày 08/6/2019)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn K:

5.1. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1957 (Vợ ông Nguyễn Văn K); cư trú tại: ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị T: Luật sư **Đặng Huỳnh Lộc**, Văn phòng luật sư Huyền Vũ thuộc Đoàn luật sư Thành Phố Hồ Chí Minh.

5.2. Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1980; cư trú tại: ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (Con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T) (có mặt).

5.3. Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1985 (Con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T) (có mặt)

5.4. Chị **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1983 (Con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T) (xin vắng mặt)

5.5. Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1982 (Con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T) (có mặt).

Cùng cư trú tại: ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

6. Ông **Lữ Minh T**, sinh năm 1973 (xin vắng mặt)

7. Bà **Phan Thị N**, sinh năm 1982 (Vợ ông Lữ Minh T) (xin vắng mặt).

Cùng cư trú tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang

8. Bà **Phan Thị H**, sinh năm 1955 (Mẹ của ông Lữ Minh T) (Xin vắng mặt)

9. **Huỳnh Văn H**, sinh năm 1977 (Xin vắng mặt)

10. **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1978 (Vợ ông Huỳnh Văn H) (xin vắng mặt)

11. Chị **Ngô Thị T**, sinh năm 1985 (Vợ anh Nguyễn Văn B) (xin vắng mặt)

12. Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1958 (có mặt).

13. Bà **Tổng Thị L**, sinh năm 1958 (Vợ ông Nguyễn Văn K) (**xin vắng mặt**).

14. Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1988 (Con của ông Nguyễn Văn K và bà Tổng Thị L) (xin vắng mặt).

15. Chị **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1985 (Con của ông Nguyễn Văn K và bà Tổng Thị L) (Xin vắng mặt)

16. Chị **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1979 (Con của ông Nguyễn Văn K và bà Tổng Thị L) (Xin vắng mặt).

17. Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1981 (Con của ông Nguyễn Văn K và bà Tổng Thị L) (xin vắng mặt)

18. Anh **Nguyễn Thanh M**, sinh năm 1977 (xin vắng mặt).

19. Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1970 (xin vắng mặt).

20. Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1970 (Vợ của ông Nguyễn Văn Đ) (xin vắng mặt).

21. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1957 (Vợ ông Nguyễn Văn K); cư trú tại: ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị T: Luật sư **Đặng Huỳnh Lộc**, Văn phòng luật sư Huyền Vũ thuộc Đoàn luật sư Thành Phố Hồ Chí Minh.

22. Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1985 (Con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T) (có mặt)

23. Chị **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1983 (Con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T) (xin vắng mặt)

24. Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1982 (Con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T) (có mặt).

Cùng cư trú tại: ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

25. Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1987 (Con của ông Nguyễn Văn K và bà Tống Thị L); cư trú tại: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (xin vắng mặt).

26. Ủy ban nhân dân xã V.

Địa chỉ trụ sở: ấp C, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lưu Văn T**; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V (xin vắng mặt).

27. Ủy ban nhân dân huyện H

Địa chỉ trụ sở: ấp Nội Ô, thị trấn Ngan Dừa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: ông **Huỳnh Chí N**, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Nguyễn Văn T**, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H. (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Mỹ D trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1999, chị Nguyễn Mỹ D và anh Nguyễn Văn T có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung được vài năm thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau có sự khác biệt về quan điểm sống nên đã ly thân hơn 01 năm. Dù đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không đoàn tụ được. Chị D thấy rằng mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Nguyễn Mỹ D yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị Nguyễn Mỹ D và anh Nguyễn Văn T có hai người con chung tên Nguyễn Văn Mìn, sinh ngày 19/02/2000 và Nguyễn Bích Ngọc sinh ngày 18/7/2011 hiện đang sống với chị D. Chị Nguyễn Mỹ D có ý kiến do cháu Mìn đã trên 18 tuổi nên chị D không yêu cầu gì. Đối với cháu Ngọc, chị D xin nuôi và yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: chị Nguyễn Mỹ D không đồng ý giao trả hai phần đất qua đo đạc thực tế là thửa số 01 diện tích 11.572,5m² và thửa số 02 diện tích 7.330,2m² cho cha mẹ chồng là ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T. Chị D yêu cầu chia theo quy định pháp luật với anh Nguyễn Văn T hai thửa đất nêu trên.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Mỹ D yêu cầu chia theo pháp luật với anh Nguyễn Văn T 75.000.000đ nợ chị Nguyễn Thu T. Ngoài ra, chị D không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T thống nhất với phần trình bày của chị Nguyễn Mỹ D. Nay chị Nguyễn Mỹ D yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn T thống nhất với phần trình bày của chị Nguyễn Mỹ D. Đối với cháu Mìn đã trên 18 tuổi nên anh T không yêu cầu gì. Đối với cháu Ngọc, anh T đồng ý để cho chị D nuôi dưỡng nhưng anh T xin không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh Nguyễn Văn T xin trả lại hai phần đất qua đo đạc thực tế là thửa số 01 diện tích 11.572,5m² và thửa số 02 diện tích 7.330,2m² cho ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T mà anh T và chị D đã mượn trước đây.

Về nợ chung: anh Nguyễn Văn T không đồng ý có nợ 75.000.000đ của chị Nguyễn Thu T. Đây là nợ riêng của chị D với chị T. Ngoài ra, anh T không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu độc lập ông Nguyễn Văn K trình bày: Năm 1999, sau khi con trai ông K và bà T là anh Nguyễn Văn T đã cưới vợ là Nguyễn Mỹ D thì ông K và bà T có cho anh T và chị D mượn hai phần đất nay qua đo đạc thực tế là thửa số 02 diện tích 7.330,2m² và thửa đất số 03 diện tích 7.551,6m². Năm 2016, ông K và bà T mới đứng ra lấy thửa đất số 03 diện tích 7.551,6m² để đổi thửa đất số 01 diện tích 11.572,6m² với em trai của ông K là ông Nguyễn Văn K. Do diện tích đất ông K lớn hơn nên ông K và bà T phải bán 04 công đất tầm cây (1 công tầm cây = 1.296m²) cho ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị H tổng giá trị là 160.000.000đ để bù cho ông K. Khi cho mượn đất này, ông K và bà T nghĩ chị D và anh T chịu làm ăn và sống hạnh phúc thì ông K và bà T cũng cho luôn hai phần đất đã cho mượn. Nay vợ chồng Dung và Trí ly hôn thì ông K kiện đòi lại hai phần đất nêu trên. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ liên quan của ông Nguyễn Văn K bà Nguyễn Thị T trình bày: bà Nguyễn Thị T trình bày và yêu cầu giống như phần trình bày và yêu cầu của chồng mình là ông Nguyễn Văn K. Sau khi ông K chết, bà Nguyễn Thị T thay đổi yêu cầu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn K, bà kiện đòi chị D và anh T trả lại thửa đất số 01 và 02.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ liên quan của ông Nguyễn Văn K chị Nguyễn Thị Đ; anh Nguyễn Văn B; anh Nguyễn Văn M và anh Nguyễn Văn T cùng trình bày: Các phần tài sản mà bà Nguyễn Thị T yêu cầu là tài sản chung của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T. Nay ông K chết thì bà T được hưởng toàn quyền quyết định. Tất cả họ không yêu cầu chia thừa kế hay yêu cầu gì với các tài sản này. Về việc cơ quan chuyên môn xác định thửa số 03 diện tích 7.551,6m² do hộ của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị Nguyễn Thị Đ; anh Nguyễn Văn B; anh Nguyễn Văn M có ý kiến khi đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cơ quan chức năng cấp cho hộ. Tuy nhiên khi đó đất này là của ông K và bà T nên họ không có ý kiến hay yêu cầu gì. Ngoài ra, họ không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K và bà Tống Thị L trình bày: Năm 2016, ông Nguyễn Văn K và bà Tống Thị L lấy thửa đất nay qua đo đạc thực tế là thửa đất số 01 diện tích 11.572,6m² để đổi lấy thửa số 03 diện tích

7.551,6m² (lúc đổi thì thửa đất số 03 đang do chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T sử dụng và khi đổi thì có sự đồng ý của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T). Do diện tích đất của ông Nguyễn Văn K và bà Tống Thị L lớn hơn nên phía Nguyễn Thị D, Nguyễn Văn T phải bù cho ông Nguyễn Văn K và bà Tống Thị L tổng số tiền 158.050.000đ. Do vợ chồng ông Nguyễn Văn K và bà Tống Thị L còn nợ của chị Nguyễn Thu T (chị ruột của Nguyễn Thị D) 75.000.000đ nên trừ ra số tiền này. Vì vậy chị Nguyễn Thị D trực tiếp đưa thêm cho vợ chồng ông Nguyễn Văn K và bà Tống Thị L số tiền 83.050.000đ. Phần đất thửa số 01 của ông Nguyễn Văn K và bà Tống Thị L lấy đổi cho Dung và Trí là do ông Nguyễn Văn K và bà Tống Thị L nhận chuyển nhượng của ông Lữ Minh T vào năm 1994 với tổng giá trị là 12 chỉ vàng 24k. Việc mua bán này có làm giấy tay do mẹ của ông T là bà Phan Thị H đại diện ký tên. Từ khi nhận chuyển nhượng phần đất này đến nay thì tôi và ông T chưa làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định. Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lữ Minh T thế chấp vay ngân hàng. Còn phần đất thửa số 03 diện tích 7.551,6m² sau khi nhận đổi thì ông Nguyễn Văn K và bà Tống Thị L đã bán lại cho anh Nguyễn Văn B và chị Ngô Thị T vào năm 2017, với tổng số tiền 210.000.000đ. Nay đất này xảy ra tranh chấp ông Nguyễn Văn K và bà Tống Thị L có ý kiến như sau: Việc ông Nguyễn Văn K và bà Tống Thị L nhận chuyển nhượng đất của ông T cũng như việc đổi đất ông Nguyễn Văn K và bà Tống Thị L đổi cho ông K và bà T là sự thật ngay tình nên ông Nguyễn Văn K và bà Tống Thị L không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ kiện này. Ngoài ra, họ không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn C trình bày: Về việc cơ quan chuyên môn xác định phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế thửa đất tranh chấp số 01 diện tích 11.572,4m² do hộ ông Nguyễn Văn K đứng tên trên sổ mục kê tất cả họ có ý kiến như sau: anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị Đ, anh Nguyễn Văn C là con ruột của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T. Khi đăng ký kê khai đất đai thì cơ quan chức năng cấp cho hộ. Tuy nhiên khi đó đất này là của ông Nguyễn Văn K và bà Tống Thị L nên việc đứng tên trong hộ chỉ là thủ tục nên anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị X, chị Nguyễn Thị Đ, anh Nguyễn Văn C không có ý kiến hay yêu cầu gì về phần đất này. Ngoài ra, họ không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lữ Minh T trình bày: Trước đây anh Lữ Minh T được mẹ ruột là bà Phan Thị H cho một phần đất. Đến năm 1994, anh Lữ Minh T có chuyển nhượng toàn bộ cho ông Nguyễn Văn K phần đất này, nay qua đo đạc thực tế là thửa đất số 01 diện tích 11.572,6m². Khi chuyển nhượng thì có mẹ anh Lữ Minh T là bà Phan Thị H đại diện làm giấy tay với ông K để làm tin. Do khi chuyển nhượng thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này anh Lữ Minh T đang thế chấp Ngân Hàng N chi nhánh huyện Hồng Dân nên đến nay vẫn chưa làm thủ tục chuyển nhượng đúng quy định. Đất này anh Lữ Minh T đã bán cho ông K nên ông K đổi đất này với ai là quyền của ông K. Anh Lữ Minh T không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị N trình bày giống như phần trình bày của anh Lữ Minh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H trình bày: Trước đây bà Phan Thị H có cho con trai là Lữ Minh T một phần đất nay qua đo đạc thực tế là thửa đất tranh chấp số 01 diện tích 11.572,6m². Năm 1994, do kinh tế khó khăn nên Lữ Minh T chuyển nhượng toàn bộ đất này cho ông Nguyễn Văn K với tổng trị giá là 12 chỉ vàng 24k. Việc này có làm giấy tay giao cho ông K giữ. Khi chuyển nhượng thì ghi trong giấy tay diện tích là 11.664m² chứ thực tế thì không có đo đạc chính xác. Do khi đó Lữ Minh T chưa có vợ nên khi chuyển nhượng thì bà Phan Thị H đại diện cho phía bên bán đất làm giấy tay với ông K để làm tin. Bà Phan Thị H không có yêu cầu gì trong vụ kiện này. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn B và chị Ngô Thị T trình bày: Phần đất qua đo đạc thực tế là thửa số 03 diện tích 7.551,6m² thì anh Nguyễn Văn B và chị Ngô Thị T đã mua lại của ông Nguyễn Văn K vào năm 2017 với tổng số tiền 210.000.000đ. Khi chuyển nhượng đất này thì giấy chứng nhận còn do ông Nguyễn Văn K đứng tên và vay ngân hàng nên đến nay vẫn chưa làm đúng thủ tục chuyển nhượng theo quy định. Hiện nay phần đất này anh Nguyễn Văn B và chị Ngô Thị T đang cho anh Nguyễn Thanh M và chị Nguyễn Thị Đ thuê với tổng số tiền là 10.000.000đ/năm. Tuy nhiên, hợp đồng thuê đất đã hết và hai bên đã thanh toán tiền thuê đất xong. Nay đất này xảy ra tranh chấp anh Nguyễn Văn B và chị Ngô Thị T có ý kiến như sau: Việc anh Nguyễn Văn B và chị Ngô Thị T nhận chuyển nhượng đất thửa số 03 này là hợp pháp và ngay tình nên anh Nguyễn Văn B và chị Ngô Thị T không có yêu cầu gì trong vụ kiện này. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh M và chị Nguyễn Thị Đ trình bày: năm 2017, anh Nguyễn Thanh M và chị Nguyễn Thị Đ có thuê phần đất qua đo đạc thực tế là thửa số 03 diện tích 7.551,6m² của anh Nguyễn Văn B và chị Ngô Thị T với tổng giá trị là 10.000.000đ/năm. Cuối mỗi năm thì thanh toán tiền thuê. Đầu năm 2019, anh Nguyễn Thanh M và chị Nguyễn Thị Đ đã trả lại đất này cho anh Nguyễn Văn B và chị Ngô Thị T và đã thanh toán tiền đất xong nên anh Nguyễn Thanh M và chị Nguyễn Thị Đ không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ kiện này. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Nguyễn Thu T trình bày: Vào ngày 23/8/2016, chị Nguyễn Thu T có cho ông Nguyễn Văn K và bà Tống Thị L vay số tiền 75.000.000đ. Đến ngày 19/9/2016, em gái của chị Nguyễn Thu T là chị Nguyễn Mỹ D và em rể là anh Nguyễn Văn T có lấy thửa đất nay qua đo đạc thực tế là số 03 diện tích 7.551,6m² để đổi với thửa đất của ông Nguyễn Văn K và bà Tống Thị L nay qua đo đạc thực tế là số 01 diện tích 11.572,6m², do diện tích đất của ông Nguyễn Văn K và bà Tống Thị L lớn hơn nên chị Nguyễn Mỹ D và anh Nguyễn Văn T phải bù cho ông K và bà L tổng số tiền 158.050.000đ. Do ông K và bà L còn nợ chị Nguyễn Thu T 75.000.000đ nên chị D và anh T mượn chị Nguyễn Thu T số tiền này để bù một phần cho ông K và bà L. Từ khi mượn tiền đến nay thì chị D và anh T vẫn chưa trả. Nay chị Nguyễn Thu T yêu cầu Nguyễn Mỹ D và Nguyễn Văn T trả cho tôi 75.000.000đ. Ngoài ra, tôi không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị H trình bày: Trước đây vào năm 2016, phía chị Nguyễn Thị D có đến nhà và gợi ý muốn chuyển nhượng cho tôi phần đất 04 công tầm cây mà trước đây ông K cho chị

D và anh T ở. Tôi chỉ nhận chuyển nhượng khi có sự đồng ý của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T thì tôi mới mua. Vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này do ông K và bà T đứng tên. Sau đó, ông K; bà T; chị D và anh T chuyển nhượng đất này cho tôi. Tổng giá trị là 160.000.000đ. Việc này có lập giấy tay chính là “Giấy sang bán đất” đề ngày 16/9/2016. Tuy nhiên ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị H chỉ đưa tiền trực tiếp cho chị D nhận là 155.000.000đ còn 5.000.000đ để làm thủ tục tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đất này là của ông K và bà T nên khi làm giấy thì có ông K, bà T và ông Huỳnh Văn H ký tên vào. Có chính quyền ấp Vĩnh Bình là ông Võ Văn Mẫn xác nhận. Do ông K và bà T thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay tiền ngân hàng nên đến nay vẫn chưa làm thủ tục chuyển nhượng đúng quy định. Do diện tích đất 04 công tằm cây này không nằm trong 03 phần đất tranh chấp nên ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị H không có yêu cầu gì trong vụ kiện này. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P trình bày: Về việc cơ quan chuyên môn xác định thửa đất tranh chấp số 02 diện tích 7.730,2m² là do ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên thực tế phần đất này là của ông Nguyễn Văn K và của bà Nguyễn Thị T chứ ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P không có phần đất này. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này hiện vợ chồng ông Đ, bà P đang giữ không thể chấp cho cá nhân hay tổ chức tín dụng nào. Nếu khi nào các đương sự có liên quan muốn liên hệ cơ quan chức năng điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này thì ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P đồng ý. Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P không có yêu cầu gì trong vụ kiện này. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

Ông Hà Minh T là người đại diện theo ủy quyền của Ngân Hàng N trình bày: Trong phần đất tranh chấp hiện nay, anh Lữ Minh T thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 150042 gồm các thửa đất 0022, 0023, 0047, 0108, 0006 để vay Ngân hàng số tiền 30.000.000đ vào năm 2005. Đến nay đã quá hạn. Tạm tính đến ngày 20/11/2018 tổng tiền nợ gốc và nợ lãi là 102.665.000đ. Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập của mình, Ngân hàng yêu cầu anh Triều trả nợ đầy đủ cho ngân hàng. Nếu ông T không thực hiện thì yêu cầu cơ quan chức năng tiến hành kê biên, phát mãi thửa đất các thửa đất 0022, 0023, 0047, 0108, 0006 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 150042. Ngày 27/3/2019, ông Lữ Minh T đã trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng. Ngân Hàng N đã giải chấp tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 150042 cho anh Triều. Ngày 02/4/2019, Ngân hàng có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện nêu trên đối với ông Lữ Minh T. Đối với các khoản vay của ông Nguyễn Văn K, bà Tống Thị L, ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị T không liên quan đến 03 thửa đất tranh chấp này. Đồng thời, tất cả các khoản nợ này là nợ trong hạn chưa phải là nợ xấu nên Ngân Hàng N không yêu cầu trả nợ trong vụ kiện này. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Ông Lưu Văn Tuy là người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc trình bày: Trong phần đất tranh chấp có hai phần diện tích: 63,9m² thuộc thửa đất tranh chấp số 01 và 107,4m² thuộc thửa đất tranh chấp số 02 do Nhà nước quản lý nay Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc có ý kiến như sau: Đất này tạm giao cho

đương sự sử dụng, khi nào có nhu cầu thu hồi đất thì Nhà nước sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ông Nguyễn Văn T là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện H trình bày: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P Ủy ban nhân dân huyện H không có ý kiến gì và xin vắng mặt tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự: thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Mỹ D và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Bích Ngọc sinh ngày 18/7/2011 cho chị Nguyễn Mỹ D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do chị Nguyễn Mỹ Dung không yêu cầu cấp dưỡng nên anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc. Sau khi ly hôn nhưng anh Nguyễn Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Về quan hệ tài sản chung:

Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản và nợ chung của chị Nguyễn Mỹ D.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của chị Nguyễn Thu T kiện đòi chị Nguyễn Mỹ D và anh Nguyễn Văn T trả số tiền 75.000.000đ.

Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Văn K kiện đòi chị Nguyễn Mỹ D và anh Nguyễn Văn T trả lại quyền sử dụng đất mượn.

Đình chỉ yêu cầu của Ngân Hàng N kiện đòi anh Lữ Minh T trả số tiền nợ gốc và nợ lãi là 102.665.000đ và phát mãi tài sản thế chấp. Ngoài ra, chị Nguyễn Mỹ D còn phải chịu án phí sơ thẩm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Nguyễn Mỹ D xin ly hôn, nuôi con chung và yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn với anh Nguyễn Văn T nên

đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Văn T cư trú tại ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Việc xét xử vụ án khi các đương sự vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của chị Nguyễn Mỹ D xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T: Vào năm 1999, chị Nguyễn Mỹ D và anh Nguyễn Văn T có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được vài năm thì xảy ra mâu thuẫn, do hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau xuất phát từ sự khác biệt về quan điểm sống nên đã ly thân hơn 01 năm nay. Mặc dù đã được cha mẹ hai bên hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không đoàn tụ được. Nay chị Nguyễn Mỹ D yêu cầu xin ly hôn, anh Nguyễn Văn T đồng ý. Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Chị Nguyễn Mỹ D và anh Nguyễn Văn T có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Do đó, không công nhận chị Nguyễn Mỹ D và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

[5] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Mỹ D và anh Nguyễn Văn T có với nhau 02 người con chung tên Nguyễn Văn Mìn, sinh ngày 19/02/2000 và Nguyễn Bích Ngọc sinh ngày 18/7/2011 hiện cả hai đang sống với chị D. Chị Nguyễn Mỹ D có ý kiến do cháu Mìn đã trên 18 tuổi nên chị D không yêu cầu gì. Đối với cháu Ngọc, chị D xin nuôi và yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Anh Nguyễn Văn T đồng ý cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ngọc. Tại lời khai của mình, cháu Ngọc có nguyện vọng sống cùng với chị D. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014, tiếp tục giao cháu Ngọc cho chị D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tại phiên tòa hôm nay, chị D xin rút lại yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc. Sau khi ly hôn anh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[6] Về quan hệ tài sản chung:

Xét yêu cầu của các đương sự về các phần đất tranh chấp: Qua đo đạc thực tế gồm 03 phần đất có vị trí, kích thước, hiện trạng và định giá như sau:

Thửa đất số 1, diện tích 11.572,4m²

+ Hướng đông giáp thửa đất tranh chấp số 2 cạnh dài 166,8m

+ Hướng tây giáp ranh đất của ông Nguyễn Văn Quấn có cạnh dài 155.3m;

+ Hướng nam giáp kênh Nông trường có cạnh dài 71,8m;

+ Hướng bắc giáp ranh đất của ông Trần Văn Bình và ranh đất của ông Nguyễn Văn Ngươn có cạnh dài 70,9m.

Theo hồ sơ địa chính xã Vĩnh Lộc thành lập năm 1993:

Nằm trong thửa đất số 108, tờ bản đồ số 15 diện tích 10.850m² do ông Lữ Minh T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nằm trong thửa đất số 108, tờ bản đồ số 15 diện tích 658,5m² do đo đạc thực tế diện tích tăng.

Nằm trong phần đất bảo lưu ven sông kênh Nông Trường diện tích 63,9m² do Nhà nước quản lý.

Theo hồ sơ địa chính xã Vĩnh Lộc thành lập năm 2009:

Nằm trong thửa đất số 324, tờ bản đồ số 3 diện tích 5.896,3m² do hộ ông Nguyễn Văn K đứng tên trên sổ mục kê.

Nằm trong thửa đất số 325, tờ bản đồ số 3 diện tích 5.612,2m² do hộ ông Nguyễn Văn K đứng tên trên sổ mục kê.

Nằm trong phần đất bảo lưu ven sông kênh Nông Trường diện tích 63,9m² do Nhà nước quản lý.

Đất có giá 42.438đ/m²

Hiện trạng: Trên đất gồm có các tài sản như: 02 cây tràm đà lạt lớn, 08 cây gừa lớn, 01 cây bần lớn tất cả có giá 70.000đ/cây; 40m² lá dừa nước có giá 17.000đ/m². Tất cả các cây trồng này do ông Nguyễn Văn K và bà Tống Thị L trồng.

Thửa số 2, diện tích 7.330,2m².

+ Hướng đông giáp ranh đất của ông Lương Văn Mùi có cạnh dài 174,9m

+ Hướng tây giáp thửa đất tranh chấp số 1 có cạnh dài 166,8m;

+ Hướng nam giáp kênh Nông trường có cạnh dài 43,3m;

+ Hướng bắc giáp ranh đất của ông Nguyễn Văn Ngươn có cạnh dài 43,7m.

Theo hồ sơ địa chính xã Vĩnh Lộc thành lập năm 1993:

Nằm trong thửa đất số 107, tờ bản đồ số 15 diện tích 5.600m² do ông Nguyễn Văn K đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nằm trong thửa đất số 107, tờ bản đồ số 15 diện tích 1.622,8m² do đo đạc thực tế diện tích tăng.

Nằm trong phần đất bảo lưu ven sông kênh Nông Trường diện tích 107,4m² do Nhà nước quản lý.

Theo hồ sơ địa chính xã Vĩnh Lộc thành lập năm 2009:

Nằm trong thửa đất số 316, tờ bản đồ số 3 diện tích 5836,3m² do ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nằm trong thửa đất số 346, tờ bản đồ số 3 diện tích 1.386,5m² do ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị P đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nằm trong phần đất bảo lưu ven sông kênh Nông Trường diện tích 107,4m² do Nhà nước quản lý.

Đất có giá 42.438đ/m²

Hiện trạng: Trên đất gồm có các cây trồng và vật kiến trúc sau:

+ 01 căn nhà chính, chiều ngang 8,3m, chiều dài 9,5m có kết cấu khung cột góc địa phương, máy lợp tôn thiếc, vách lá, nền tráng xi măng.

+ 01 mái che có chiều ngang 8,3m, chiều dài 01m có kết cấu khung cột gỗ địa phương, mái lá, nền đất không có vách

Giá trị căn nhà và mái che 30.000.000 đồng.

+ 01 cái chuồng lợn có chiều ngang 3,8m, chiều dài 11,4m, có kết cấu khung cột gỗ địa phương, mái lợp tôn xi măng, một phần vách lá, một phần không có vách nền tráng xi măng, phía trong xây gạch không tô, có chiều cao 0,7m chiều dài 9,2m, rộng 2,2m. Giá trị 20.000.000 đồng.

+ 01 cái chòi lá không có giá trị sử dụng.

+ 01 trại xuống chiều ngang 03m dài 07m, có kết cấu khung cột gỗ địa phương, mái lợp tôn thiếc, không vách. Giá trị 1.800.000 đồng.

+ 01 cây nước ống nhựa 49. Giá trị 4.500.000 đồng.

+ 57m² lá dừa nước có giá là 17.000đ/m².

+ 60 cây tràm rừng, 05 cây bạch đàn, 05 cây gừa, 01 cây tràm đà lạt lớn, 01 cây bần lớn, 07 cây đước, 03 cây lộc vừng, 01 cây bồ đề tất cả có giá 70.000đ/cây; 03 cây xoài, 03 cây dừa nhỏ có giá 90.000đ/cây; 06 cây dừa lớn có giá 331.000đ/cây; 01 cây mận có giá 134.000đ/cây; 01 cây măng cầu có giá 50.000đ/cây.

Tất cả các cây trồng và công trình kiến trúc do anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Mỹ D trồng và xây dựng.

Thửa đất số 3, diện tích 7551,6m²

+ Hướng đông giáp ranh đất của ông Nguyễn Văn Sum và ranh đất của ông Nguyễn Văn K có cạnh dài 155,6m;

+ Hướng tây giáp ranh đất ông Lương Văn Bảnh có cạnh dài 150,5m;

+ Hướng nam giáp kênh Nông trường có cạnh dài 48,2m;

+ Hướng bắc giáp ranh đất của ông Nguyễn Văn K có cạnh dài 49,5m.

Nằm trong thửa đất số 321, tờ bản đồ số 3 do hộ ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đất có giá 42.438đ/m²

Hiện trạng: Trên đất có 176m² cây bạch đàn do anh Nguyễn Văn B mới trồng có tổng giá trị là 1.000.000đ; 06 cây tràm rừng nhỏ có giá 35.000đ/cây; 01 cây tràm đà lạt có giá 70.000đ, 11 cây bạch đàn nhỏ có giá 35.000đ/cây, 32m² lá dừa nước do chị Nguyễn Mỹ D và anh Nguyễn Văn T trồng có giá 17.000đ/m².

Tại phiên tòa hôm nay, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn K là bà Nguyễn Thị T xin rút lại toàn bộ yêu cầu đòi đất này vì giữa bà T, chị D và anh T đã tự thỏa thuận được với nhau về hai phần đất này. Chị Nguyễn Thị Đ, anh Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Văn M cùng có ý kiến đây là tài sản chung của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T. Nay ông K chết thì bà T được hưởng và toàn quyền quyết định. Tất cả họ không yêu cầu chia thừa kế hay yêu cầu gì với các tài sản này. Đồng thời chị Nguyễn Mỹ D xin rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản trên và anh Nguyễn Văn T đồng ý. Tại lời khai của mình ông Nguyễn Văn K, bà Tống Thị L, anh Lữ Minh T, anh Nguyễn Văn B, chị Ngô Thị T, bà Phan Thị H, chị Phan Thị N không yêu cầu giải quyết các thửa đất này. Xét thấy việc rút yêu cầu này là ý chí tự nguyện của đương sự, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên đình chỉ giải quyết.

[7] Về yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu độc lập chị Nguyễn Thị T kiện đòi chị Nguyễn Mỹ D và anh Nguyễn Văn T trả số tiền 75.000.000đ. Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thu T rút lại toàn bộ yêu cầu này

do chị T, chị D và anh T đã tự thỏa thuận xong việc giải quyết số tiền này. Đây là ý chí tự nguyện của đương sự, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên đình chỉ giải quyết.

[8] Về yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu độc lập Ngân Hàng N kiện đòi anh Lữ Minh T trả số tiền nợ gốc và nợ lãi là 102.665.000đ và phát mãi tài sản thế chấp. Ngày 02/4/2019, Ngân Hàng N có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu này do anh Triều đã trả nợ xong cho Ngân hàng. Đây là ý chí tự nguyện của đương sự, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên đình chỉ giải quyết.

[9] Xét giao dịch thuê quyền sử dụng đất thửa đất số 3, diện tích 7551,6m² giữa anh Nguyễn Văn Mộng, chị Nguyễn Thị Đ với anh Nguyễn Văn B, chị Ngô Thị T: Do hiện nay thời hạn thuê quyền sử dụng đất đã hết. Anh Nguyễn Văn Mộng, chị Nguyễn Thị Đ đã giao trả đất và tiền thuê đất xong cho anh Nguyễn Văn B, chị Ngô Thị T. Đồng thời các đương sự không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử ghi nhận toàn bộ.

[11] Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có ngạch: Buộc chị Nguyễn Mỹ D phải chịu số tiền 300.000đ.

Án phí dân sự có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn K đã dự nộp 6.000.000đ. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn K gồm anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Đ, anh Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Văn M cùng có ý kiến đây là tài sản chung của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T. Nay ông K chết thì bà T được hưởng toàn bộ. Tất cả họ không yêu cầu chia thừa kế hay yêu cầu gì với khoản tiền này. Do đó, bà Nguyễn Thị T được nhận lại toàn bộ.

Chị Nguyễn Thu T đã dự nộp 1.875.000đ nên chị Nguyễn Thu T được hoàn lại toàn bộ số tiền 1.875.000đ.

Ngân Hàng N đã dự nộp 2.560.000đ nên Ngân Hàng N được hoàn lại toàn bộ số tiền 2.560.000đ.

[12] Về chi phí tố tụng:

Chi phí giám định: Chị Nguyễn Mỹ D đã nộp 3.825.000đ đã chi hết nên không được hoàn lại.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; định giá tài sản và phô tô bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Ông Nguyễn Văn K đã dự nộp 2.000.000đ đã chi hết 1.000.000đ. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn K gồm anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị Đ, anh Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Văn M cùng có ý kiến đây là tài sản chung của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T. Nay ông K chết thì bà T được hưởng toàn bộ. Tất cả họ không yêu cầu chia thừa kế hay yêu cầu gì với khoản tiền này. Do đó, bà Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền 1.000.000đ tại Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Mỹ D và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Bích Ngọc sinh ngày 18/7/2011 cho chị Nguyễn Mỹ D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do chị Nguyễn Mỹ D không yêu cầu cấp dưỡng nên anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi cháu Ngọc. Sau khi ly hôn nhưng anh Nguyễn Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung:

Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản và nợ chung của chị Nguyễn Mỹ D.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của chị Nguyễn Thu T kiện đòi chị Nguyễn Mỹ D và anh Nguyễn Văn T trả số tiền 75.000.000đ.

Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Văn K kiện đòi chị Nguyễn Mỹ D và anh Nguyễn Văn T trả lại quyền sử dụng đất cho mượn.

Đình chỉ yêu cầu của Ngân Hàng N kiện đòi anh Lữ Minh T trả số tiền nợ gốc, nợ lãi là tổng cộng 102.665.000đ và phát mãi tài sản thế chấp.

Giao dịch thuê quyền sử dụng đất thửa số 3, diện tích 7551,6m² giữa anh Nguyễn Văn Mộng, chị Nguyễn Thị Đ với anh Nguyễn Văn B, chị Ngô Thị T do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Mỹ D phải chịu số tiền 300.000đ. Do chị Nguyễn Mỹ D đã dự nộp số tiền 300.000đ theo biên lai thu số 0005577, ngày 12/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

Án phí dân sự có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn K đã dự nộp 6.000.000đ theo biên lai thu số 0005589, ngày 23/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên người kế thừa quyền, nghĩa vụ liên quan của ông Nguyễn Văn K là bà Nguyễn Thị T được nhận lại toàn bộ số tiền 6.000.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Chị Nguyễn Thu T đã dự nộp 1.875.000đ theo biên lai thu số 0005757, ngày 21/05/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên chị Nguyễn Thu T được hoàn lại toàn bộ số tiền 1.875.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngân Hàng N đã dự nộp 2.560.000đ theo biên lai thu số 0005938, ngày 21/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên Ngân Hàng N được hoàn lại toàn bộ số tiền 2.560.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về chi phí tố tụng:

Chi phí giám định: Chị Nguyễn Mỹ D đã nộp 3.825.000đ đã chi hết nên không được hoàn lại.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Nguyễn Văn K đã dự nộp 2.000.000đ đã chi hết 1.000.000đ nên bà Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền 1.000.000đ tại Tòa án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Kiệt